

Bản án số: 159/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20/9/2024

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

*- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Anh Thư.*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Văn Hoàn

Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ

*- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Tường Vy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.*

*- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Sơn – Kiểm sát viên.*

Ngày 20 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương công khai xét xử vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 301/2024/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 219/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 122/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04/9/2024, giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn: Chị Trần Mỹ D, sinh năm 1996; địa chỉ thường trú: B D, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: Số B Q, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.*

*- Bị đơn: Anh Tạ Hoài T, sinh năm 1994; trú tại: 4, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Trần Mỹ D trình bày:*

Chị D và anh T có thời gian tìm hiểu và tiến tới hôn nhân năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 81 ngày 06/12/2019.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu chị D và anh T chung sống với nhau hạnh phúc nhưng đến khoảng cuối năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng

thường xuyên cãi vã. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, càng ngày mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng, chị D đã cố gắng cứu vãn nhiều lần nhưng không được. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh Tạ Hoài T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Tạ Đình P, sinh ngày 15/10/2019; Tạ Ngọc Tuệ N, sinh ngày 10/10/2021 và Tạ Ngọc Uyên M, sinh ngày 05/4/2024. Chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi 03 con và yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với mỗi con 2.000.000 đồng/tháng (03 con là 6.000.000đ/tháng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu T1 án giải quyết.

*Theo bản tự khai bị đơn anh Tạ Hoài T trình bày:*

Anh T và chị D có thời gian tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn tại A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 81 ngày 06/12/2019. Vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được một thời gian đầu, sau đó xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nay chị D có yêu cầu ly hôn thì anh T đồng ý.

Về con chung: Anh T đồng ý để chị Trần Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là cháu Tạ Đình P, Tạ Ngọc Tuệ N và Tạ Ngọc Uyên M. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do anh T hiện tại công việc chưa ổn định nên đề nghị cấp dưỡng đối với mỗi con chung là 2.000.000 đồng/tháng (tổng là 6.000.000 đồng/tháng/3 con) đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Tạ Hoài T được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên toà.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng dân sự:

[1.1] Chị D khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh T hiện đang trú tại khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Anh T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, chị D có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị D và anh T theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị D và anh T tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 81 ngày 06/12/2019, do đó quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T là hợp pháp.

[2.2] Quá trình tố tụng chị D xác định cuộc sống hôn nhân của vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân, không ai còn quan tâm đến nhau nữa.

Anh T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên tại bản tự khai anh T đồng ý ly hôn với chị D.

Do mâu thuẫn vợ chồng chị D và anh T đã trầm trọng, không ai còn quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị D được ly hôn với anh T.

[2.3] Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Tạ Đình P, sinh ngày 15/10/2019; Tạ Ngọc Tuệ N, sinh ngày 10/10/2021 và Tạ Ngọc Uyên M, sinh ngày 05/4/2024. Chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi 03 con và yêu cầu anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với mỗi con là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Xét thấy, việc chăm sóc nuôi dưỡng con chưa thành niên là trách nhiệm và nghĩa vụ của cha mẹ. Cháu P, cháu N và cháu M đều còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ, đồng thời anh T cũng đồng ý để chị D trực tiếp nuôi con. Để đảm bảo ổn định cuộc sống và việc học tập của các cháu, Hội đồng xét xử tiếp tục giao 03 cháu cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Đồng thời ghi nhận sự thống nhất của chị D và anh T đồng ý anh T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con chung là 2.000.000 đồng/tháng (tổng là 6.000.000 đồng/tháng cho 03 con). Thời gian cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực đến khi các con đủ 18 tuổi.

[2.4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Chị D và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, bị đơn phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ :

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Mỹ D đối với bị đơn anh Tạ Hoài T về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

- Về hôn nhân: Chị Trần Mỹ D được ly hôn với anh Tạ Hoài T (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 81 do Ủy ban nhân dân Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/12/2019).

- Về con chung: Giao 03 con chung là Tạ Đình P, sinh ngày 15/10/2019; Tạ Ngọc Tuệ N, sinh ngày 10/10/2021 và Tạ Ngọc Uyên M, sinh ngày 05/4/2024 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Tạ Hoài T thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho mỗi con 2.000.000 đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực đến khi các con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Sau ly hôn, chị D và anh T có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Chị D phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số 0001205 ngày 16/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Buộc anh T phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Anh T2**